



**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN YEAH1**
Số: 031/3/22AB/YEG/CVCK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2022

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Yeah1 (“Công ty”) giải trình khi lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và hợp nhất sau kiểm toán năm 2021 có biến động trên mười phần trăm (10%) so với cùng kỳ năm ngoái; và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và hợp nhất trước và sau kiểm toán năm 2021 có biến động trên năm phần trăm (5%), cụ thể như sau:

Chênh lệch báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và hợp nhất sau kiểm toán năm 2021 so với năm 2020:

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng sau kiểm toán năm 2021 so với năm 2020

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021 (1)	Năm 2020 (2)	Chênh lệch (3)=(1)-(2)
Lỗ sau thuế TNDN	(216.346.811.598)	(70.622.805.179)	(145.724.006.419)

Lỗ sau thuế TNDN của công ty mẹ năm 2021 tăng 145.724.006.419 đồng so với năm 2020 chủ yếu là do khoản trích lập dự phòng đầu tư vào công ty con của Công ty mẹ trong năm 2021



Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất sau kiểm toán năm 2021 so với năm 2020

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021 (1)	Năm 2020 (2)	Chênh lệch (3)=(1)-(2)
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN	29.990.231.362	(179.998.905.303)	209.989.136.665

Lợi nhuận sau thuế TNDN hợp nhất sau kiểm toán năm 2021 tăng 209.989.136.665 đồng so với năm 2020 là do trong năm 2021 Tập đoàn có ghi nhận khoản doanh thu tài chính từ việc thoái vốn các công ty con dẫn đến sự chênh lệch này.

Chênh lệch báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và hợp nhất trước và sau kiểm toán năm 2021:

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trước và sau kiểm toán năm 2021

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021 Trước kiểm toán (1)	Năm 2021 Sau kiểm toán (2)	Chênh lệch (3)=(2)-(1)
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN	149.023.739.528	(216.346.811.598)	(365.370.551.126)

Lợi nhuận sau thuế TNDN sau kiểm toán năm 2021 giảm 365.370.551.126 đồng so với trước kiểm toán chủ yếu là do điều chỉnh tăng khoản trích lập dự phòng vào cty con cho các khoản lỗ đã phát sinh vào năm 2019 và 2020.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trước và sau kiểm toán năm 2021

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021 Trước kiểm toán (1)	Năm 2021 Sau kiểm toán (2)	Chênh lệch (3)=(2)-(1)	Chênh lệch (%) (4)=(3)/(1)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	27.742.347.416	29.990.231.362	2.247.883.946	8,10%

Lợi nhuận sau thuế TNDN hợp nhất năm 2021 sau kiểm toán tăng 8,1% so với trước kiểm toán, tương đương 2.247.883.946 đồng chủ yếu là do điều chỉnh giảm chi phí một số hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Toàn bộ nội dung Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất sau kiểm toán năm 2021 đã được đăng tải trên website của Công ty: **www.yeah1group.com**

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung công bố thông tin.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1



Tổng giám đốc

Đào Phúc Trí



Ngày 31 tháng 3 năm 2022,

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)
Lầu 8, Tòa nhà Saigon Tower
29 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Thưa Quý Công ty,

Thư giải trình – Kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Thư giải trình này được cung cấp liên quan đến cuộc kiểm toán của Công ty TNHH PwC (Việt Nam) đối với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 nhằm mục đích đưa ra ý kiến, có hay không có sự kiện nào đáng lưu ý để cho rằng các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn, xét trên các khía cạnh trọng yếu, không được trình bày trung thực và hợp lý cũng như không phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất tại Việt Nam (gọi chung là “VAS”). Cụm từ “báo cáo tài chính” được nhắc đến trong thư giải trình này được hiểu là các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

Bằng tất cả những hiểu biết và tin tưởng của chúng tôi, và sau khi đã thảo luận, xác nhận với Ban Tổng giám đốc và nhân viên khác của Tập đoàn, chúng tôi xác nhận những giải trình sau đây:

1. Báo cáo tài chính

- 1.1 Chúng tôi thừa nhận sự hiểu biết về trách nhiệm của mình đề cập trong các điều khoản của hợp đồng kiểm toán số EL-HCMC7416 ngày 8 tháng 7 năm 2021. Chúng tôi cũng đã hoàn thành trách nhiệm của mình theo như những điều khoản quy định trong hợp đồng kiểm toán về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam.
- 1.2 Tất cả các nghiệp vụ phát sinh đã được phản ánh và ghi chép đúng trong báo cáo tài chính.
- 1.3 Các giả định quan trọng được chúng tôi sử dụng trong việc lập các ước tính kế toán, bao gồm cả xác định giá trị hợp lý, là hợp lý.
- 1.4 Tất cả các sự kiện phát sinh sau ngày lập các báo cáo tài chính mà VAS đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc thuyết minh đối với các sự kiện đó đã được điều chỉnh hoặc thuyết minh.
- 1.5 Không có bất kỳ một trường hợp vi phạm hay có khả năng vi phạm các quy định liên quan tới Ban Tổng Giám đốc hoặc nhân viên có vai trò thiết yếu đối với hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ hoặc những tác nhân có thể tác động trọng yếu đến các báo cáo tài chính.



- 1.6 Tập đoàn có quyền sở hữu thỏa đáng đối với tất cả các tài sản và tài sản của Tập đoàn không bị cầm cố hoặc bị ngăn trở ngoại trừ những điều đã được trình bày trong các báo cáo tài chính.
- 1.7 Chúng tôi đã ghi chép và trình bày đúng tất cả các khoản nợ phải trả, bao gồm các khoản nợ thật và nợ tiềm tàng, và đã trình bày tất cả các bảo lãnh cho bên thứ ba và các bên liên quan trong các báo cáo tài chính.
- 1.8 Tùy trường hợp, những nội dung sau đây đã được ghi nhận đúng và trình bày thỏa đáng trong các báo cáo tài chính:
- (a) Không có các khoản lỗ phát sinh do các cam kết mua bán.
 - (b) Không có các thỏa thuận và quyền chọn mua lại các tài sản đã bán trước đây.
 - (c) Tài sản cầm cố, thế chấp đã trình bày và thuyết minh một cách đầy đủ trên các báo cáo tài chính.
 - (d) Không có các bảo lãnh bằng lời nói do Tập đoàn đưa ra thay mặt cho một đơn vị liên kết, một thành viên Ban Tổng Giám đốc hay bất kỳ bên thứ ba nào khác.
 - (e) Không có các thỏa thuận chính thức và không chính thức với các tổ chức tài chính liên quan đến các khoản tiền mà khi giải ngân phải phụ thuộc vào điều kiện hoặc các thỏa thuận khác liên quan đến những hạn chế đối với các số dư tiền mặt và các khoản đầu tư và các hợp đồng tín dụng hay các dàn xếp tương tự.
 - (f) Không có các thỏa thuận khác không phải là các hoạt động kinh doanh bình thường.
 - (g) Không có tất cả các quyền chọn và hợp đồng mua lại cổ phần vốn, và cổ phần vốn dự trữ cho các quyền chọn, chứng quyền, chuyển đổi và các yêu cầu khác.
- 1.9 Tất cả các thỏa thuận hợp đồng ký bởi Tập đoàn với các bên thứ ba và các bên liên quan đã được phản ánh đúng đắn trong các ghi chép kế toán hoặc nếu trọng yếu đối với các báo cáo tài chính, đã được trình bày cho quý Công ty. Tập đoàn đã tuân thủ tất cả các nội dung của thỏa thuận hợp đồng mà các nội dung đó có thể gây tác động trọng yếu đến các báo cáo tài chính hợp nhất nếu không được tuân thủ.
- 1.10 Chúng tôi không có những kế hoạch hay dự định mà có thể làm thay đổi trọng yếu giá trị sổ sách hoặc phân loại tài sản và nợ phải trả đã được phản ánh trong báo cáo tài chính.
- 1.11 Chúng tôi không có kế hoạch bãi bỏ các dòng sản phẩm hay các kế hoạch, dự định khác mà có thể dẫn đến bất kỳ số hàng tồn kho vượt mức nào, hoặc khiến cho hàng tồn kho bị lỗi thời và cũng không có hàng tồn kho nào được thể hiện vượt quá giá trị thuần có thể thực hiện được. Đồng thời, tất cả hàng tồn kho đều được phản ánh theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.
- 1.12 Chúng tôi cam kết sẽ hoàn tất các thủ tục pháp lý cần thiết đối với hồ sơ đầu tư ra nước ngoài liên quan đến Công ty Netlink Online Corporation, Yeah1 Network Hong Kong Limited.
- 1.13 Chúng tôi xác nhận rằng, các khoản phải thu về hợp đồng hợp tác kinh doanh đang trong quá trình thanh lý và chúng tôi cam kết khả năng thu hồi của khoản đầu tư này là chắc chắn.
- 1.14 Chúng tôi xác nhận rằng, các khoản tạm ứng cho nhân viên là đích sản xuất kinh doanh và chúng tôi cam kết khả năng thu hồi của các khoản tạm ứng này là chắc chắn.

3049
CỘNG
HỢP
HỘI
HỘI
HỘI

- 1.15 Chúng tôi xác nhận rằng các khoản tạm ứng cho nhân viên và các khoản trả trước cho người bán đều nhằm mục đích phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và chúng tôi cam kết khả năng thu hồi của các số dư này là chắc chắn.
- 1.16 Chúng tôi cam kết đã lập đủ các khoản dự phòng liên quan đến các hoạt động kinh doanh cung cấp và khai thác nội dung trên nền tảng kỹ thuật số ra nước ngoài phải trả trong tương lai của các công ty con.
- 1.17 Các ưu đãi thuế đối với Công ty Yeah1 Network Pte. Ltd. và Netlink Online Corporation là phù hợp và đúng theo luật thuế các nước sở tại.
- 1.18 Chúng tôi xác nhận rằng Tập đoàn sở hữu quyền khai thác nội dung và bản quyền đối với các hình ảnh và phim trên nền tảng kỹ thuật số và nền tảng internet từ đối tác bên thứ ba được quản lý bởi Tập đoàn. Do đó, việc Tập đoàn ghi nhận doanh thu gộp là đúng bản chất phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam, và các quy định có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.
- 1.19 Liên quan đến giao dịch bán và mua lại ứng dụng Mega1 và Hợp đồng nguyên tắc Tìm kiếm đối tác sản xuất thương mại ký với Công ty Cổ phần World Trading Group ("WTG") (trước đây là Công ty Cổ phần Talent Network), chúng tôi xác nhận rằng:
- WTG là một bên thứ ba. Chủ sở hữu và Ban điều hành của Công ty này và các thành viên gia đình họ không có liên quan đến Tập đoàn.
 - Giao dịch mua bán quyền sở hữu 25% ứng dụng Mega1 được thực hiện theo giá hợp lý và việc định giá ứng dụng đã được các bên xác nhận. Khoản chênh lệch giữa giao dịch bán và mua lại đến từ giá trị gia tăng mà đối tác đã mang lại cho ứng dụng.
 - Các giao dịch này đều phục vụ hoạt động kinh doanh của Tập đoàn, theo đó WTG thực hiện các dịch vụ nhằm gia tăng người dùng và tìm kiếm khách hàng cho Tập đoàn.
- 1.20 Chúng tôi xác nhận rằng các khoản ứng trước cho người bán đều nhằm phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty và chúng tôi cam kết khả năng thu hồi của các khoản tạm ứng này là chắc chắn.
- 1.21 Đối với giao dịch chuyển nhượng cổ phần tại các công ty con, chúng tôi xác nhận rằng giao dịch này đã hoàn tất và khả năng thu hồi của các khoản phải thu phát sinh từ giao dịch này là chắc chắn. Đồng thời, chúng tôi xác nhận rằng Công ty không còn nắm quyền kiểm soát tại các công ty con này.
- 1.22 Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được Tổng Giám đốc phê chuẩn cho phát hành ngày 31 tháng 3 năm 2022.
- 1.23 Liên quan đến sự bùng phát của Covid-19, chúng tôi xác nhận rằng:
- Chúng tôi đã thực hiện đánh giá sơ bộ về sự ảnh hưởng của tình huống này đối với hoạt động của Tập đoàn, bao gồm khả năng thu hồi của giá trị các tài sản, xác định giá trị tài sản, nợ phải trả.
 - Chúng tôi đã thực hiện đánh giá sơ bộ về những phát sinh sau niên độ có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục.
 - Chúng tôi đã thuyết minh những ảnh hưởng trọng yếu phát sinh sau niên độ đến giá trị các tài sản và nợ phải trả hoặc ảnh hưởng lên doanh thu.

2. Thông tin đã cung cấp

2.1 Chúng tôi đã cung cấp cho quý Công ty:

- Quyền truy cập vào tất cả các thông tin mà chúng tôi nhận thức được rằng có liên quan đến việc chuẩn bị báo cáo tài chính hợp nhất như các hồ sơ, tài liệu và các vấn đề khác.
- Tất cả các bản ghi chép khác và các thông tin liên quan có thể tác động đến việc thể hiện trung thực và hợp lý các báo cáo tài chính hợp nhất kể cả các thuyết minh, bao gồm biên bản họp Hội đồng Quản trị và các cuộc họp có liên quan của Ban Điều hành (hoặc các tóm tắt hành động của các buổi họp gần đây mà biên bản chưa được lập); và
- Quyền tiếp cận không hạn chế với nhân viên của Công ty mà quý Công ty xác định là cần thiết để có được bằng chứng kiểm toán.

2.2 Chúng tôi đã trao đổi với Quý Công ty về tất cả các thiếu sót trong hệ thống kiểm soát nội bộ mà chúng tôi biết được.

2.3 Chúng tôi đã cung cấp cho quý Công ty Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi mới nhất số 0304592171 cấp ngày 19 tháng 3 năm 2021.

2.4 Dự toán, kế hoạch về kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn đã được chúng tôi gửi thông qua qua email và các phương tiện khác trong quá trình kiểm toán.

3. Gian lận và không tuân thủ pháp luật và các quy định

3.1 Chúng tôi thừa nhận trách nhiệm thiết kế và thực hiện các hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn ngừa và phát hiện gian lận.

3.2 Chúng tôi đã trình bày cho quý Công ty các kết quả chúng tôi đánh giá rủi ro báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị sai sót trọng yếu do gian lận.

3.3 Chúng tôi đã trình bày cho quý Công ty về những thông tin liên quan đến gian lận hoặc nghi vấn gian lận mà chúng tôi biết ảnh hưởng đến Công ty liên quan tới những đối tượng sau:

- Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
- Các nhân viên có vai trò thiết yếu trong việc kiểm soát nội bộ, hay
- Những đối tượng khác mà sự gian lận có thể tác động trọng yếu tới cái bảng báo cáo tài chính.

3.4 Chúng tôi đã trình bày với quý Công ty toàn bộ thông tin liên quan đến việc quy kết gian lận hay nghi ngờ gian lận nào ảnh hưởng tới các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được truyền đạt bởi các nhân viên, các nhà phân tích, các cơ quan quản lý hay những đối tượng khác.

3.5 Chúng tôi đã trình bày cho quý Công ty tất cả trường hợp không tuân thủ hoặc nghi ngờ không tuân thủ các đạo luật và quy định mà những ảnh hưởng phải được cân nhắc trong khi soạn lập các báo cáo tài chính.

71 - C
IN
1
CHỈ M

4. Thuế

- 4.1. Chúng tôi thừa nhận trách nhiệm trong việc kê khai thuế một cách chính xác đến các cơ quan thuế. Với tất cả những hiểu biết và tin tưởng của chúng tôi, các tờ khai thuế đã được nộp đến cơ quan thuế một cách chính xác. Chúng tôi đã lập dự phòng đầy đủ cho các nghĩa vụ thuế cho các hoạt động kinh doanh cung cấp và khai thác nội dung trên nền tảng kỹ thuật số ra nước ngoài phải trả trong tương lai.
- 4.2. Các mối quan hệ và các giao dịch với các bên liên quan đã được ghi nhận và thuyết minh đầy đủ theo các quy định của VAS.
- 4.3. Chúng tôi hiểu và tuân thủ các quy định pháp luật về thuế tại Việt Nam liên quan tới vấn đề chuyển giá. Chúng tôi xác nhận là chúng tôi đã chuẩn bị và lưu trữ đầy đủ hồ sơ chứng minh cho việc tuân thủ của chúng tôi đối với các quy định pháp luật này.

5. Giao dịch với các bên liên quan

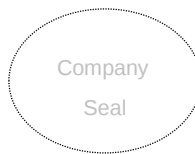
- 5.1 Chúng tôi đã trình bày cho quý Công ty cách nhận biết các bên liên quan của Tập đoàn và các mối quan hệ với các bên liên quan và các nghiệp vụ liên quan mà chúng tôi biết.
- 5.2 Mọi quan hệ với các bên liên quan và các nghiệp vụ đã được hạch toán thích hợp và công bố theo yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam.
- 5.3 Chúng tôi hiểu và tuân thủ các quy định pháp luật về thuế tại Việt Nam liên quan tới vấn đề chuyển giá. Chúng tôi xác nhận là chúng tôi đã chuẩn bị và lưu trữ đầy đủ hồ sơ chứng minh cho việc tuân thủ của chúng tôi đối với các quy định pháp luật này.

6. Kiện tụng và bồi thường

- 6.1 Chúng tôi đã trao đổi với Quý Công ty về tất cả các trường hợp kiện tụng, khiếu nại thực tế đã xảy ra hoặc có thể xảy ra mà ảnh hưởng của các trường hợp này đã được xem xét trong khi lập báo cáo tài chính và những trường hợp này đã được ghi nhận, trình bày đầy đủ theo các quy định của VAS.



Đặng Phương Dung
Kế toán trưởng



Đào Phúc Trì
Tổng Giám đốc
Ngày 31 tháng 3 năm 2022



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (Mẫu số B 01 – DN/HN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Mẫu số B 02 – DN/HN)	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (Mẫu số B 03 – DN/HN)	9
Thuyết minh cho báo cáo tài chính hợp nhất (Mẫu số B 09 – DN/HN)	10

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Số 0304592171 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 12 tháng 9 năm 2006 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 26 ngày 19 tháng 3 năm 2021.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Ảnh Nhượng Tổng	Chủ tịch
Ông Đào Phúc Trí	Thành viên
Ông Don Di Lam	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Dũng	Thành viên
Ông Trần Quốc Bảo	Thành viên
Ông Lý Trường Chiến	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Vinh	Thành viên
	(từ ngày 27 tháng 4 năm 2021)
Ông Hoàng Đức Trung	Thành viên
	(đến ngày 16 tháng 2 năm 2022)
Ông Niraan De Silva	Thành viên
	(đến ngày 27 tháng 4 năm 2021)

Ủy ban kiểm toán

Ông Trần Quốc Bảo	Trưởng ban
Ông Nguyễn Ngọc Dũng	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đào Phúc Trí	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Vũ Nghị	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Vinh	Phó Tổng Giám đốc
	(từ ngày 1 tháng 4 năm 2021)
Ông Lê Minh Nhật Tín	Phó Tổng Giám đốc
	(từ ngày 16 tháng 2 năm 2022)
Bà Nguyễn Đặng Quỳnh Anh	Phó Tổng Giám đốc
	(đến ngày 16 tháng 2 năm 2022)
Ông Nguyễn Văn Cang	Phó Tổng Giám đốc
	(đến ngày 31 tháng 3 năm 2021)
Ông Niraan De Silva	Phó Tổng Giám đốc
	(đến ngày 29 tháng 1 năm 2021)
Ông Hồ Nam Đông	Phó Tổng Giám đốc
	(đến ngày 21 tháng 1 năm 2021)

Người đại diện theo pháp luật

Ông Nguyễn Ảnh Nhượng Tổng	Chủ tịch
Ông Đào Phúc Trí	Tổng Giám đốc

Trụ sở chính

Số 191, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 7, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở Tập đoàn hoạt động liên tục trừ khi giả định Tập đoàn hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Tập đoàn với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

PHE CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 5 đến trang 63. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Đào Phúc Trí
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP **GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 (“Công ty”) và các công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2021, và được Ban Tổng Giám đốc của Công ty phê chuẩn ngày 31 tháng 3 năm 2022. Báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm: bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 63.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Mai Viết Hùng Trần
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0048-2018-006-1
Chữ ký được ủy quyền



Nguyễn Đức Anh
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
4595-2018-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM12252
TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2021 VND	2020 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.134.580.036.184	974.176.214.857
110	Tiền		4.321.225.874	36.412.495.272
111	Tiền	4	4.321.225.874	36.412.495.272
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		4.900.000.000	22.750.000.000
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5(b)	4.900.000.000	22.750.000.000
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		1.059.557.585.612	752.564.199.473
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	117.379.744.019	279.930.693.760
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	217.954.579.335	281.354.640.736
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn	8(a)	1.915.829.000	-
136	Phải thu ngắn hạn khác	9(a)	757.590.749.230	484.467.577.503
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	10	(35.283.315.972)	(293.188.712.526)
140	Hàng tồn kho	11	30.723.500.694	95.574.488.987
141	Hàng tồn kho		96.101.925.885	129.733.884.694
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(65.378.425.191)	(34.159.395.707)
150	Tài sản ngắn hạn khác		35.077.724.004	66.875.031.125
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	12(a)	17.929.095.329	22.503.079.005
152	Thuế Giá trị Gia tăng ("GTGT") được khấu trừ	18(a)	17.043.590.290	41.956.843.035
153	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	18(a)	105.038.385	2.415.109.085

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 63 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN (tiếp theo)	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2021 VND	2020 VND
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		237.702.799.766	410.792.687.927
210	Các khoản phải thu dài hạn		42.966.607.789	13.590.001.418
215	Phải thu về cho vay dài hạn	8(b)	39.090.075.288	-
216	Phải thu dài hạn khác	9(b)	3.876.532.501	13.590.001.418
220	Tài sản cố định		30.899.153.002	49.641.100.619
221	Tài sản cố định hữu hình	13(a)	2.921.208.332	5.215.629.411
222	Nguyên giá		19.645.497.072	21.554.044.447
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(16.724.288.740)	(16.338.415.036)
227	Tài sản cố định vô hình	13(b)	27.977.944.670	44.425.471.208
228	Nguyên giá		37.281.440.657	54.085.581.307
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(9.303.495.987)	(9.660.110.099)
240	Tài sản dở dang dài hạn		5.086.363.637	9.574.231.349
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	5.086.363.637	9.574.231.349
250	Đầu tư tài chính dài hạn		133.341.086.382	135.174.238.882
252	Đầu tư vào công ty liên kết	5(c)	131.583.461.382	131.146.613.882
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	5(c)	9.615.625.000	23.256.097.550
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	5(c)	(7.858.000.000)	(19.228.472.550)
260	Tài sản dài hạn khác		25.409.588.956	202.813.115.659
261	Chi phí trả trước dài hạn	12(b)	9.225.278.708	119.564.759.355
262	Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	22	-	11.740.500.834
269	Lợi thế thương mại	15	16.184.310.248	71.507.855.470
270	TỔNG TÀI SẢN		1.372.282.835.950	1.384.968.902.784

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 63 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2021 VND	2020 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		494.579.526.697	504.657.255.257
310	Nợ ngắn hạn		403.533.140.176	431.357.255.257
311	Phải trả người bán ngắn hạn	16	87.325.315.040	166.525.347.127
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	10.531.972.357	1.807.385.739
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18(b)	44.788.657.390	57.286.592.167
314	Phải trả người lao động		14.530.928.335	1.650.898.835
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	19	56.813.526.262	61.021.264.230
319	Phải trả ngắn hạn khác	20	58.740.650.313	18.635.779.929
320	Vay ngắn hạn	21(a)	130.796.216.812	124.424.113.565
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		5.873.667	5.873.665
330	Nợ dài hạn		91.046.386.521	73.300.000.000
337	Phải trả dài hạn khác		-	3.300.000.000
338	Vay dài hạn	21(b)	71.000.000.000	70.000.000.000
341	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	22	20.046.386.521	-
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		877.703.309.253	880.311.647.527
410	Vốn chủ sở hữu		877.703.309.253	880.311.647.527
411	Vốn góp của chủ sở hữu	23, 24	312.799.680.000	312.799.680.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		312.799.680.000	312.799.680.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	24	550.873.478.254	772.918.333.797
417	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	24	-	(255.483.151)
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST")/(Lỗ lũy kế)	24	20.536.615.720	(219.278.689.210)
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		-	-
421b	- LNST/(lỗ) của năm nay		20.536.615.720	(219.278.689.210)
429	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	24	(6.506.464.721)	14.127.806.091
440	TỔNG NGUỒN VỐN		1.372.282.835.950	1.384.968.902.784

Đặng Phương Dung
Người lập/ Kế toán trưởng

Nguyễn Quang Vinh
Phó Tổng Giám đốc Tài chính



Đào Phúc Trí
Tổng Giám đốc
Ngày 31 tháng 3 năm 2022

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 63 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 02 – DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2021 VND	2020 VND
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.082.183.356.214	1.226.020.878.841
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	(2.675.562.836)	(7.402.194.508)
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.079.507.793.378	1.218.618.684.333
11	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(1.045.382.703.416)	(1.182.458.229.054)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	34.125.089.962	36.160.455.279
21	Doanh thu hoạt động tài chính	423.849.348.595	11.937.450.250
22	Chi phí tài chính	(28.037.984.463)	(17.705.782.742)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	(21.801.000.846)	(3.532.670.032)
24	Phần lỗ trong công ty liên kết	436.847.500	(662.977.261)
25	Chi phí bán hàng	(86.766.850.424)	(129.869.496.098)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(211.115.902.487)	(142.777.394.771)
30	Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	132.490.548.683	(242.917.745.343)
31	Thu nhập khác	483.012.405	78.237.780.900
32	Chi phí khác	(34.656.844.781)	(3.084.816.618)
40	(Lỗ)/lợi nhuận khác	(34.173.832.376)	75.152.964.282
50	Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	98.316.716.307	(167.764.781.061)
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	(38.377.310.844)	(12.655.740.599)
52	(Chi phí)/thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(29.949.174.101)	421.616.357
60	Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN	29.990.231.362	(179.998.905.303)
61	Phân bổ cho Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	19.793.101.930	(181.588.026.596)
62	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	10.197.129.432	1.589.121.293
70	Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	633	(6.069)
71	Lãi/(lỗ) suy giảm trên cổ phiếu	633	(6.069)


Đặng Phương Dung
Người lập/ Kế toán trưởng


Nguyễn Quang Vinh
Phó Tổng Giám đốc Tài chính



Đào Phúc Trí
Tổng Giám đốc
Ngày 31 tháng 3 năm 2022

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 63 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 03 – DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

		Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	98.316.716.307	(167.764.781.061)
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ") và phân bổ lợi thế thương mại	60.873.843.139	17.582.527.217
03	Các khoản dự phòng	52.061.632.930	24.957.899.674
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	158.090.446	455.598.142
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(417.635.142.186)	(75.423.432.240)
06	Chi phí lãi vay	21.801.000.846	3.532.670.032
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	(184.423.858.518)	(196.659.518.236)
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu	57.022.448.497	(299.466.477.697)
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho	33.631.958.809	(30.902.093.116)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả	(84.795.032.317)	10.323.001.589
12	Giảm chi phí trả trước	114.913.464.323	7.248.618.133
13	Giảm chứng khoán kinh doanh	-	85.000.000.000
14	Tiền lãi vay đã trả	(12.842.860.526)	(2.132.670.032)
15	Thuế TNDN đã nộp	(11.906.493.786)	(1.384.677.184)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(88.400.373.518)	(427.973.816.543)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(2.911.894.836)	(30.676.426.177)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	386.363.636	-
23	Tiền chi cho vay và tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	(1.360.000.000)	(20.750.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay và tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	17.850.000.000	368.862.390.048
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(10.699.782.467)	(74.134.525.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	6.624.547.167	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	1.298.684.586	6.086.409.501
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	11.187.918.086	249.387.848.372
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu quỹ	-	90.222.511.065
33	Tiền thu từ vay	230.230.900.461	320.868.948.145
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(185.109.714.427)	(358.380.551.840)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	45.121.186.034	52.710.907.370
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(32.091.269.398)	(125.875.060.801)
60	Tiền đầu năm	4	36.412.495.272
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	-
70	Tiền cuối năm	4	4.321.225.874
			36.412.495.272

Các thông tin liên quan tới báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được trình bày tại Thuyết minh 37.


Đặng Phương Dung
Người lập/ Kế toán trưởng


Nguyễn Quang Vinh
Phó Tổng Giám đốc Tài chính


Đào Phúc Trí
Tổng Giám đốc
Ngày 31 tháng 3 năm 2022



Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 63 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy Chứng nhận doanh nghiệp số 0304592171 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 12 tháng 9 năm 2006 và Giấy chứng nhận doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 26 ngày 19 tháng 3 năm 2021.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán – Thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 26 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định số 212/QĐ-SGDHCM do Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 19 tháng 6 năm 2018 với mã giao dịch cổ phiếu là YEG.

Hoạt động chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) bao gồm quảng cáo, hoạt động sáng tác, nghệ thuật, giải trí; sản xuất và phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình, tổ chức, giới thiệu và xúc tiến thương mại, bán lẻ, dịch vụ công nghệ thông tin, hoạt động hậu kỳ, hoạt động viễn thông có dây và các hoạt động viễn thông khác.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh bình thường của Tập đoàn là 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tập đoàn có 359 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 848 nhân viên).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tập đoàn có 14 công ty con và 6 công ty liên kết (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 24 công ty con và 6 công ty liên kết) được trình bày như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09 – DN/HN

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN (tiếp theo)

STT	Tên	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính	2021		2020	
				Quyền sở hữu (%)	Quyền biểu quyết (%)	Quyền sở hữu (%)	Quyền biểu quyết (%)
I - Công ty con trực tiếp							
1	Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất chương trình	99,00	99,00	99,00	99,00
2	Công ty Cổ phần Phát triển Thương hiệu Yeah1	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất chương trình	99,00	99,00	99,00	99,00
3	Công ty Cổ phần Tập đoàn Care	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất chương trình	99,98	99,98	99,98	99,98
4	Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Phim Yeah1	TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất phim, viễn thông và quảng cáo	67,00	67,00	67,00	67,00
5	Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	TP. Hồ Chí Minh	Công nghệ, Bán buôn	99,99	99,99	99,99	99,99
6	Công ty Cổ phần YAG Entertainment	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ quảng cáo	99,70	100,00	99,70	100,00
7	Công ty THNN Yeah1 Network Việt Nam	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, nghiên cứu thị trường và thẩm dò dư luận	99,99	100,00	-	-
8	Công ty Cổ phần Appnews Việt Nam (*)	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ quảng cáo	76,99	70,00	76,99	70,00
9	Công ty Cổ phần Your Entertainment Platform (*)	TP. Hồ Chí Minh	Công xử lý dữ liệu thông tin	99,98	99,98	99,98	99,98
10	Công ty Cổ phần Siêu Sao Yeah1 (*)	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ quảng cáo	50,98	50,98	50,98	50,98
11	Công ty TNHH Trung tâm Công nghệ và Chuyển đổi số (*)	TP. Hồ Chí Minh	Tư vấn máy tính và quản trị hệ thống máy tính	51,00	51,00	51,00	51,00
12	Công ty Cổ phần Yeah1 eDigital	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất chương trình	-	-	96,67	96,67
13	Công ty Cổ phần Truyền thông On+	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo	-	-	51,00	51,00
II - Công ty con gián tiếp							
14	Công ty THNN Quảng cáo Truyền thông TNT	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ quảng cáo	99,63	100,00	64,98	65,00
15	Công ty Cổ phần ZeroZ Creative	TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất phim điện ảnh.Thiết kế chuyên dụng	94,05	95,00	94,05	95,00
16	Công ty TNHH Thương mại Yeah1	TP. Hồ Chí Minh	Tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp, dịch vụ quảng cáo	50,99	51,00	50,99	51,00
17	Công ty THNN Yeah1 Network Việt Nam	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, nghiên cứu thị trường và thẩm dò dư luận	-	-	99,98	100,00
18	Công ty Netlink Online Corporation	Seychelles	Dịch vụ quản lý hình ảnh và phim trên internet	-	-	76,00	100,00
19	Công ty TNHH Truyền thông Trực tuyến Netlink Việt Nam	Hà Nội	Dịch vụ quảng cáo	-	-	99,99	100,00
20	Công ty Cổ phần Yeah1 Publishing	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, nghiên cứu thị trường	-	-	82,17	85,00
21	Công ty THNN Trung tâm Nội dung Số	TP. Bến Tre	Quảng cáo	-	-	96,67	100,00
22	Công ty Yeah1 Network Pte. Ltd.	Singapore	Dịch vụ quản lý hình ảnh và phim trên internet	-	-	99,98	100,00
23	Công ty ScaleLab Pte. Ltd.	Singapore	Dịch vụ quản lý hình ảnh và phim trên internet	-	-	99,98	100,00
24	Công ty Thoughtful Network Pte. Ltd	Singapore	Dịch vụ quản lý hình ảnh và phim trên internet	-	-	99,98	100,00
25	Công ty Yeah1 Network Hong Kong Limited	Hong Kong	Dịch vụ quản lý hình ảnh và phim trên internet	-	-	99,98	100,00
III - Công ty liên kết							
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Nam Giải trí	TP. Hồ Chí Minh	Đầu tư, sản xuất phim và các dịch vụ liên quan	13,40	20,00	13,40	20,00
2	Công ty Cổ phần Zmedia	Hà Nội	Cung cấp dịch vụ quảng cáo	24,99	25,00	24,99	25,00
3	Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Kolorlife	TP. Hồ Chí Minh	Cung cấp dịch vụ giải pháp số	34,99	35,00	34,99	35,00
4	Công ty Cổ phần Giải trí 100D	TP. Hồ Chí Minh	Cung cấp dịch vụ giải pháp số, phát hành trò chơi điện tử	29,99	30,00	29,99	30,00
5	Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	TP. Hồ Chí Minh	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	49,99	50,00	49,99	50,00
6	Công ty Cổ phần Công nghệ Tíng Việt Nam	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ thông tin	20,00	20,00	20,00	20,00

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN (tiếp theo)

- (*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty vẫn đang trong quá trình góp vốn thêm theo vốn điều lệ tại các công ty con này.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo nguyên tắc giá gốc, ngoại trừ các khoản đầu tư vào công ty liên kết và hợp nhất kinh doanh như được trình bày tại Thuyết minh 2.5.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng").

Khi hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất, nếu báo cáo tài chính của các công ty con được lập bằng đồng tiền khác với đồng tiền trên báo cáo tài chính của Công ty, Công ty phải chuyển đổi báo cáo tài chính của các công ty con sang đồng tiền báo cáo của Công ty theo nguyên tắc sau:

- Tài sản, nợ phải trả, và lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con ở nước ngoài được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối kỳ;
- Giá trị tài sản thuần của công ty con do Công ty nắm giữ tại ngày mua được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ tại ngày mua;
- LNST/(lỗ lũy kế) chưa phân phối phát sinh sau ngày mua công ty con được quy đổi bằng cách tính toán theo các khoản mục doanh thu, chi phí của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày trả cổ tức;
- Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con được phản ánh lũy kế trong phần vốn chủ sở hữu của bảng cân đối kế toán hợp nhất. Phần chênh lệch tỷ giá hối đoái phân bổ cho Công ty được trình bày tại chỉ tiêu "Chênh lệch tỷ giá hối đoái". Phần chênh lệch tỷ giá hối đoái phân bổ cho cổ đông không kiểm soát được trình bày trong chỉ tiêu "Lợi ích cổ đông không kiểm soát". Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh liên quan đến việc quy đổi khoản lợi thế thương mại chưa phân bổ hết cuối kỳ được tính toàn bộ cho Công ty;
- Khi thanh lý công ty con, toàn bộ số chênh lệch tỷ giá hối đoái lũy kế trên phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất do chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con đó sẽ được ghi nhận vào doanh thu tài chính hoặc chi phí tài chính cùng kỳ thanh lý công ty con.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**Công ty con**

Công ty con là những doanh nghiệp mà Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Tập đoàn có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Tập đoàn. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Phương pháp kế toán mua được Tập đoàn sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông không kiểm soát. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất.

Trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, khi xác định lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua giá rẻ, giá phí khoản đầu tư vào công ty con được tính là tổng của giá phí tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày công ty mẹ kiểm soát công ty con.

Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Tập đoàn áp dụng.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Báo cáo tài chính của các công ty trong Tập đoàn sử dụng để hợp nhất phải được lập cho cùng một kỳ kế toán. Nếu ngày kết thúc kỳ kế toán khác nhau, thời gian chênh lệch không vượt quá 3 tháng. Báo cáo tài chính sử dụng để hợp nhất phải được điều chỉnh cho ảnh hưởng của những giao dịch và sự kiện quan trọng xảy ra giữa ngày kết thúc kỳ kế toán của các công ty và ngày kết thúc kỳ kế toán của Tập đoàn. Độ dài của kỳ báo cáo và sự khác nhau về thời điểm lập báo cáo tài chính phải được thống nhất qua các kỳ.

Nghịệp vụ và lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Tập đoàn áp dụng chính sách cho các nghịệp vụ đối với cổ đông không kiểm soát giống như nghịệp vụ với các bên không thuộc Tập đoàn.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong công ty con dẫn đến việc mất quyền kiểm soát đối với công ty con, thì chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Phần sở hữu còn lại trong công ty này sẽ được hạch toán như một khoản đầu tư tài chính thông thường hoặc kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ khi công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát công ty con.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Khoản đầu tư của Tập đoàn vào công ty liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản giảm giá tài sản lũy kế.

Lợi nhuận của Tập đoàn được chia sau khi đầu tư vào các công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư vào các công ty liên kết được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khi phần lỗ trong liên kết bằng hoặc vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, Tập đoàn sẽ không ghi nhận khoản lỗ vượt đó trừ khi đã phát sinh nghĩa vụ hoặc đã thanh toán hộ cho các công ty liên kết.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các chính sách kế toán của các bên liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Tập đoàn áp dụng.

Các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ giữa Tập đoàn với các bên liên kết sẽ được loại trừ tới mức tương ứng với phần lợi ích của Tập đoàn trong các bên liên kết theo quy định kế toán hiện hành.

2.6 Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tập đoàn trong tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con hay công ty liên kết tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con được coi là một loại tài sản, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó nhưng không quá 10 năm.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua khoản đầu tư vào công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư tại thời điểm mua. Tập đoàn không phân bổ dần khoản lợi thế thương mại này.

Khi bán khoản đầu tư vào công ty con hoặc công ty liên kết, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Lợi thế thương mại được ghi nhận theo giá vốn trừ khấu hao lũy kế và được đánh giá tổn thất lợi thế thương mại định kỳ hàng năm. Nếu có bằng chứng cho thấy phần giá trị lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

2.7 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

2.8 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thu hồi.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.9 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở thực tế đích danh và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm giá vốn hàng bán trong năm.

2.10 Đầu tư tài chính**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất đến ngày đáo hạn.

(b) Đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty liên kết được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất (Thuyết minh 2.5).

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (tiếp theo)**

Dự phòng giảm giá đầu tư vào đơn vị khác được lập vào cuối kỳ kế toán khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư, ngoại trừ các khoản lỗ mà Ban Tổng Giám đốc đã dự đoán khi đầu tư. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

2.11 Cho vay

Cho vay là các khoản cho vay với mục đích thu lãi hàng kỳ theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Cho vay được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản còn chưa thu để ghi nhận dự phòng các khoản cho vay khó đòi vào cuối kỳ kế toán.

Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong kỳ. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Cho vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản cho vay tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất đến ngày tới hạn thu hồi.

2.12 Tài sản cố định (“TSCĐ”)*TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình*

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính hoặc theo thời hạn của dự án nếu ngắn hơn. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm của các loại tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	10% – 20%/năm
Phương tiện vận tải	10% – 33%/năm
Thiết bị quản lý	10% – 17%/năm
Phần mềm máy tính	2% – 10%/năm
Nhãn hiệu, tên thương mại	2% – 10%/năm
TSCĐ khác	10% – 20%/năm

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp. Quyền sử dụng đất không có thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và không khấu hao.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.12 Tài sản cố định (“TSCĐ”) (tiếp theo)***Thanh lý*

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình lắp đặt hoặc xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.13 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.14 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

2.15 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại và không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thanh toán.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.16 Vay

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng và các bên thứ ba.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thanh toán.

Chi phí đi vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

2.17 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm báo cáo.

2.18 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

2.19 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

LNST chưa phân phối/(lỗ lũy kế) phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế TNDN của Tập đoàn tại thời điểm báo cáo.

2.20 Phân chia lợi nhuận

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

LNST TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.20 Phân chia lợi nhuận (tiếp theo)**

Tập đoàn trích lập quỹ sau:

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ LNST của Tập đoàn và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được trình bày là một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Quỹ này được trích lập nhằm chi trả thù lao cho thành viên HĐQT và khen thưởng cán bộ, công nhân viên.

2.21 Ghi nhận doanh thu**(a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm hoặc hàng hóa như người sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa, hoặc quyền kiểm soát sản phẩm hoặc hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tập đoàn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng sản phẩm hoặc hàng hóa. Trường hợp Tập đoàn dùng sản phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Tập đoàn thì Tập đoàn phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.21 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

(c) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

(d) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập cổ tức được ghi nhận khi Tập đoàn xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

2.22 Khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại. Khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu kỳ phát sinh.

Khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo.

2.23 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.24 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay, dự phòng giảm giá các khoản đầu tư, chiết khấu thanh toán và lỗ tỷ giá hối đoái.

2.25 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

2.26 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Tập đoàn.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.27 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế theo thuế suất thuế TNDN của năm hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế TNDN hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.28 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty trong cùng Tập đoàn là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Tập đoàn căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.29 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc bán hàng hoặc cung cấp các dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.30 Ước tính kế toán trọng yếu**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

- Dự phòng đầu tư tài chính (Thuyết minh 5);
- Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi (Thuyết minh 10);
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Thuyết minh 11);
- Thời gian hữu dụng ước tính của TSCĐ (Thuyết minh 13); và
- Ghi nhận thuế TNDN hoãn lại (Thuyết minh 22).

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

3 CHUYỂN NHƯỢNG CÔNG TY CON**3.1 Công ty Cổ phần Truyền thông On+**

Trong năm 2021, Tập đoàn đã chuyển nhượng toàn bộ vốn góp tại Công ty Cổ phần Truyền thông On+ với tổng giá trị chuyển nhượng 5.100.000.000 Đồng.

3.2 Công ty Yeah1 Network Pte. Ltd. và các công ty con

Trong năm 2021, Tập đoàn đã chuyển nhượng toàn bộ vốn góp tại Công ty Yeah1 Network Pte. Ltd. với tổng giá trị chuyển nhượng là 10.000 Đô la Mỹ và ghi nhận khoản lãi 12.761.355.777 Đồng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Thuyết minh 28). Cũng theo việc chuyển nhượng này, các công ty hiện đang có vốn góp của Công ty Yeah1 Network Pte. Ltd. sau đây không còn là các công ty con gián tiếp hoặc các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác của Tập đoàn:

- Công ty ScaleLab Pte. Ltd. ;
- Công ty Thoughtful Network Pte. Ltd. ;
- Công ty Yeah1 Network Hong Kong Limited ;
- Công ty Springme Pte. Ltd. ; và
- Công ty Something Big Pte. Ltd.

3 CHUYỂN NHƯỢNG CÔNG TY CON (tiếp theo)**3.3 Công ty Netlink Online Corporation và Công ty TNHH Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam**

Trong năm 2021, Tập đoàn đã chuyển nhượng toàn bộ vốn góp tại Công ty Netlink Online Corporation và Công ty TNHH Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam với tổng giá trị chuyển nhượng 270 tỷ Đồng, và ghi nhận khoản lãi 251.804.534.839 Đồng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Thuyết minh 28).

3.4 Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital và các công ty con

Trong năm 2021, Tập đoàn đã chuyển nhượng toàn bộ vốn góp tại Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital với tổng giá trị chuyển nhượng là 302.280.001.061 Đồng, và ghi nhận khoản lãi 151.447.800.936 Đồng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Thuyết minh 28). Cũng theo việc chuyển nhượng này, các công ty hiện đang có phần vốn góp của Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital sau đây không còn là các công ty con gián tiếp của Tập đoàn :

- Công ty Cổ phần Yeah1 Publishing ; và
- Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số.

4 TIỀN

	2021 VND	2020 VND
Tiền mặt	567.478.677	934.698.810
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.753.747.197	35.477.796.462
	<u>4.321.225.874</u>	<u>36.412.495.272</u>

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	2021		2020	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Tiền gửi ngân hàng (*)				
Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh	-	-	1.850.000.000	1.850.000.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (**)	4.900.000.000	4.900.000.000	18.900.000.000	18.900.000.000
	<u>4.900.000.000</u>	<u>4.900.000.000</u>	<u>22.750.000.000</u>	<u>22.750.000.000</u>

(*) Tiền gửi ngân hàng bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên ba tháng đến dưới một năm và hưởng lãi suất từ 5%/năm đến 7,3%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 4,9%/năm đến 5,8%/năm).

(**) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020, khoản tiền gửi ngân hàng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam đã được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại chính ngân hàng này (Thuyết minh 21).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09 – DN/HN

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Đầu tư vào công ty liên kết

	Tên công ty	Hoạt động chính	2021				2020			
			Quyền sở hữu %	Quyền biểu quyết %	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Quyền sở hữu %	Quyền biểu quyết %	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
1	Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	50,00	50,00	88.914.982.663	(*)	50,00	50,00	88.874.749.399	(*)
2	Công ty Cổ phần Giải trí 100D	Giải pháp công nghệ số, trò chơi điện tử	29,99	30,00	21.253.734.206	(*)	29,99	30,00	20.954.921.817	(*)
3	Công ty Cổ phần Zmedia	Dịch vụ quảng cáo	25,00	25,00	14.179.439.550	(*)	25,00	25,00	13.491.242.523	(*)
4	Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Kolorlife	Giải pháp công nghệ số	34,99	35,00	6.083.551.071	(*)	34,99	35,00	6.673.946.251	(*)
5	Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Nam Giải trí	Đầu tư, sản xuất phim và các dịch vụ liên quan	13,40	20,00	1.151.753.892	(*)	13,40	20,00	1.151.753.892	(*)
					<u>131.583.461.382</u>					
					<u><u>131.146.613.882</u></u>					

5 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**(b) Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)**

Biến động về đầu tư vào công ty liên kết trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	131.146.613.882	59.432.691.143
Đầu tư thêm trong năm	-	72.376.900.000
Lỗi từ các công ty liên kết	436.847.500	(662.977.261)
Số dư cuối năm	<u>131.583.461.382</u>	<u>131.146.613.882</u>

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất vì cổ phiếu của các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09 – DN/HN

5 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Tên công ty	Hoạt động chính	2021				2020					
			Quyền sở hữu %	Quyền biểu quyết %	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Quyền sở hữu %	Quyền biểu quyết %	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
1	Công ty Cổ phần Gamify Việt Nam	Cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử	15,00	15,00	1.858.000.000	(*)	(1.858.000.000)	15,00	15,00	1.858.000.000	(*)	(1.858.000.000)
2	Công ty Cổ phần Shopiness	Cổng thông tin xử lý dữ liệu và các hoạt động có liên quan	10,00	10,00	1.757.625.000	(*)	-	10,00	10,00	1.757.625.000	(*)	-
3	Công ty cổ phần Công nghệ và Truyền thông ADSBNC	Cổng thông tin, dịch vụ công nghệ thông tin, quảng cáo	4,40	4,40	6.000.000.000	(*)	(6.000.000.000)	4,40	4,40	6.000.000.000	(*)	(6.000.000.000)
4	Công ty Springme Pte. Ltd	Cổng thông tin, dịch vụ công nghệ thông tin, quảng cáo	-	-	-	-	-	18,99	19,00	11.370.472.550	(*)	(11.370.472.550)
5	Công ty Something Big Pte. Ltd	Cổng thông tin, dịch vụ công nghệ thông tin, quảng cáo	-	-	-	-	-	19,00	19,00	2.270.000.000	(*)	-
					9.615.625.000		(7.858.000.000)					(19.228.472.550)

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất vì cổ phiếu của các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

6 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	2021 VND	2020 VND
Bên thứ ba		
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam	21.397.199.999	47.882.106.905
Công ty Cổ phần Đầu tư Canada Ginseng	13.939.220.078	-
Khác	62.533.970.290	228.001.463.223
Bên liên quan (Thuyết minh 38(b))	19.509.353.652	4.047.123.632
	<u>117.379.744.019</u>	<u>279.930.693.760</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020, số dư các khoản phải thu ngắn hạn khách hàng quá hạn thanh toán lần lượt là 7.063.315.972 Đồng và 781.280.536 Đồng, như được trình bày tại Thuyết minh 10.

7 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	2021 VND	2020 VND
Bên thứ ba		
Công ty Cổ phần World Trading Group	128.790.000.000	128.790.000.000
Công ty TNHH Phân phối Nước giải khát Quốc tế	48.126.704.193	122.723.939.444
Khác	24.268.043.602	25.329.439.752
Bên liên quan (Thuyết minh 38(b))	16.769.831.540	4.511.261.540
	<u>217.954.579.335</u>	<u>281.354.640.736</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tập đoàn không có khoản trả trước cho người bán ngắn hạn nào khó có khả năng thu hồi.

8 PHẢI THU VỀ CHO VAY**(a) Ngắn hạn**

	2021 VND	2020 VND
Bên thứ ba		
Công ty Cổ phần Yeah1 Publishing	464.129.000	-
Công ty Yeah1 Network Pte. Ltd.	91.700.000	-
Bên liên quan (Thuyết minh 38(b))	1.360.000.000	-
	<u>1.915.829.000</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09 – DN/HN

8 PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)

(b) Dài hạn

	2021 VND	2020 VND
Công ty TNHH Trung tâm Nội dung Số	39.090.075.288	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tập đoàn không có khoản phải thu về cho vay nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

9 PHẢI THU KHÁC

(a) Ngắn hạn

	2021		2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu từ chuyển nhượng công ty con (i)	521.130.252.833	-	278.748.000.000	(278.748.000.000)
Tạm ứng cho nhân viên (ii)	103.724.655.946	-	76.306.812.168	-
Phải thu cổ tức (iii)	53.725.680.000	-	1.900.000.000	-
Đặt cọc mua cổ phần (iv)	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh (v)	20.610.207.535	(17.500.000.000)	17.500.000.000	(12.250.000.000)
Phải thu từ hợp tác trò chơi trực tuyến	8.120.000.000	(8.120.000.000)	13.144.786.844	-
Tạm ứng thù lao Hội đồng Quản trị	2.242.202.700	-	2.766.166.333	-
Phải thu lãi vay	2.100.000.000	(2.100.000.000)	2.100.000.000	(1.470.000.000)
Tạm ứng thanh toán ví điện tử	1.025.000.000	-	17.339.296.344	-
Đặt cọc, ký quỹ, ký cược	1.000.000.000	(500.000.000)	3.125.180.734	-
Tạm ứng cổ tức	-	-	13.042.454.957	-
Khác	13.912.750.216	-	28.494.880.123	-
	<u>757.590.749.230</u>	<u>(28.220.000.000)</u>	<u>484.467.577.503</u>	<u>(292.468.000.000)</u>
Trong đó:				
Bên thứ ba	636.366.277.332	(28.220.000.000)	406.858.079.809	(292.468.000.000)
Bên liên quan (Thuyết minh 38(b))	121.224.471.898	-	77.609.497.694	-
	<u>757.590.749.230</u>	<u>(28.220.000.000)</u>	<u>484.467.577.503</u>	<u>(292.468.000.000)</u>

9 PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)**(a) Ngắn hạn (tiếp theo)**

- (i) Số dư thể hiện khoản phải thu các bên thứ ba từ việc chuyển nhượng vốn góp tại Công ty Cổ phần Truyền thông On+, Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital, Công ty Netlink Online Corporation và Công ty TNHH Truyền thông Công nghệ Netlink. Chi tiết như sau:

	2021 VND	2020 VND
Công ty TNHH HQ Holdings	270.000.000.000	-
Ông Trần Minh Việt	126.540.600.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Tri Thanh	76.455.000.000	-
Khác	48.134.652.833	-
	<u>521.130.252.833</u>	<u>-</u>

Tại ngày phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty đã thu hồi được 306.865.000.000 Đồng.

- (ii) Đây là các khoản tạm ứng nhân viên chủ yếu liên quan đến việc thực hiện các dự án sản xuất nội dung truyền hình và nội dung số trên nền tảng internet.
- (iii) Số dư thể hiện khoản phải thu cổ tức từ Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital và Công ty Netlink Online Corporation.
- (iv) Đây là khoản Tập đoàn đặt cọc để mua cổ phần của Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam Trực tuyến.
- (v) Đây là hợp đồng hợp tác kinh doanh về đầu tư, xây dựng và kinh doanh dự án Hùng Vương Square tại số 100 Hùng Vương, Phường 9, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh giữa Tập đoàn và chủ đầu tư là Công ty TNHH Tân An Đông Sài Gòn (trước đây là Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Mai Hương Hương). Tổng giá trị đầu tư dự án là 50.000.000.000 Đồng, trong đó, Tập đoàn đồng ý góp 35% tổng mức đầu tư, tương đương 17.500.000.000 Đồng và chủ đầu tư đồng ý góp 65% mức đầu tư còn lại, tương đương 32.500.000.000 Đồng.

Ngày 21 tháng 12 năm 2017, Tập đoàn và Công ty TNHH Tân An Đông Sài Gòn thỏa thuận tiến hành thanh lý dự án và thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh. Thời hạn thực hiện thanh lý là trong vòng sáu tháng kể từ ngày 21 tháng 12 năm 2017. Tại ngày phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn vẫn đang tiến hành các thủ tục thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh này và thu hồi vốn đầu tư. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá khả năng thu hồi và quyết định trích lập dự phòng cho toàn bộ khoản phải thu này (Thuyết minh 10).

9 PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)**(b) Dài hạn**

	2021		2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Bảo lãnh thanh toán (*)	3.447.919.503	-	3.447.919.503	-
Đặt cọc, ký quỹ, ký cược	428.612.998	-	10.142.081.915	-
	<u>3.876.532.501</u>	<u>-</u>	<u>13.590.001.418</u>	<u>-</u>
Trong đó:				
Bên thứ ba	428.612.998	-	10.142.081.915	-
Bên liên quan (Thuyết minh 38(b))	3.447.919.503	-	3.447.919.503	-
	<u>3.876.532.501</u>	<u>-</u>	<u>13.590.001.418</u>	<u>-</u>

(*) Đây là khoản đặt cọc ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng với Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam Trực tuyến, một bên liên quan của Tập đoàn.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, số dư khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác quá hạn là 28.220.000.000 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 298.348.000.000 Đồng) như được trình bày tại Thuyết minh 10.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09 – DN/HN

10 NỢ KHÓ ĐÒI

	2021				2020			
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Thời gian quá hạn
Tổng giá trị các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng quá hạn thanh toán								
Công ty Cổ phần Giải trí 100 Độ	6.518.490.436	-	(6.518.490.436)	Dưới 1 năm	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư An Hưng Phát	244.275.887	-	(244.275.887)	Trên 3 năm	244.275.887	-	(244.275.887)	Từ 2 đến 3 năm
Ông Phạm Vĩnh Hà	120.000.000	-	(120.000.000)	Trên 3 năm	120.000.000	-	(120.000.000)	Từ 2 đến 3 năm
Khác	180.549.649	-	(180.549.649)	Trên 3 năm	417.004.649	60.568.010	(356.436.639)	Từ 2 đến 3 năm
	<u>7.063.315.972</u>	<u>-</u>	<u>(7.063.315.972)</u>		<u>781.280.536</u>	<u>60.568.010</u>	<u>(720.712.526)</u>	
Tổng giá trị các khoản phải thu ngắn hạn khác quá hạn thanh toán								
Công ty TNHH Tân An Đồng Sài Gòn	19.600.000.000	-	(19.600.000.000)	Trên 3 năm	19.600.000.000	5.880.000.000	(13.720.000.000)	Từ 2 đến 3 năm
Phải thu từ hợp tác trò chơi trực tuyến	8.120.000.000	-	(8.120.000.000)	Trên 1 năm	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Phát triển UP	500.000.000	-	(500.000.000)	Trên 1 năm	-	-	-	-
Phải thu từ việc thanh lý công ty con	-	-	-		278.748.000.000	-	(278.748.000.000)	Từ 1 đến 2 năm
	<u>28.220.000.000</u>	<u>-</u>	<u>(28.220.000.000)</u>		<u>298.348.000.000</u>	<u>5.880.000.000</u>	<u>(292.468.000.000)</u>	
	<u>35.283.315.972</u>	<u>-</u>	<u>(35.283.315.972)</u>		<u>299.129.280.536</u>	<u>5.940.568.010</u>	<u>(293.188.712.526)</u>	

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09 – DN/HN

11 HÀNG TỒN KHO

	2021		2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng hóa	53.704.851.555	(41.929.882.655)	89.373.838.415	(34.159.395.707)
Chương trình	41.801.815.609	(23.448.542.536)	39.275.588.490	-
Khác	595.258.721	-	1.084.457.789	-
	<u>96.101.925.885</u>	<u>(65.378.425.191)</u>	<u>129.733.884.694</u>	<u>(34.159.395.707)</u>

Biến động về dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	34.159.395.707	21.557.831.991
Tăng dự phòng	31.219.029.484	12.601.563.716
Số dư cuối năm	<u>65.378.425.191</u>	<u>34.159.395.707</u>

12 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

(a) Ngắn hạn

	2021 VND	2020 VND
Chi phí dịch vụ trả trước	17.737.717.478	16.863.721.822
Công cụ, dụng cụ	191.377.851	676.432.219
Chi phí bản quyền	-	2.042.917.726
Chi phí thuê văn phòng	-	2.920.007.238
	<u>17.929.095.329</u>	<u>22.503.079.005</u>

Biến động về chi phí trả trước ngắn hạn trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	22.503.079.005	27.062.650.172
Tăng	18.946.750.159	65.567.987.851
Phân bổ trong năm	(23.520.733.835)	(70.127.559.018)
Số dư cuối năm	<u>17.929.095.329</u>	<u>22.503.079.005</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09 – DN/HN

12 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC (tiếp theo)

(b) Dài hạn

	2021 VND	2020 VND
Chi phí bản quyền	4.465.617.381	92.731.596.376
Công cụ, dụng cụ	1.077.992.802	3.730.585.582
Chi phí phát triển nhóm nhạc	683.280.698	2.913.232.625
Chi phí cải tạo văn phòng	-	10.377.684.901
Khác	2.998.387.827	9.811.659.871
	<u>9.225.278.708</u>	<u>119.564.759.355</u>

Biến động về chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	119.564.759.355	133.810.765.131
Tăng	65.130.248.963	55.272.767.193
Phân bổ	(75.480.972.132)	(52.748.901.862)
Thanh lý	(9.329.618.351)	-
Giảm do mất quyền kiểm soát công ty con	(90.659.139.127)	-
Phân loại lại	-	(16.769.871.107)
Số dư cuối năm	<u>9.225.278.708</u>	<u>119.564.759.355</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09 – DN/HN

13 TSCĐ

(a) TSCĐ hữu hình

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quần lý VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	9.191.116.679	11.641.774.726	578.685.500	142.467.542	21.554.044.447
Mua trong năm	-	-	72.390.909	-	72.390.909
Thanh lý, nhượng bán	-	(797.200.000)	-	-	(797.200.000)
Giảm do mất quyền kiểm soát công ty con	(1.183.738.284)	-	-	-	(1.183.738.284)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	8.007.378.395	10.844.574.726	651.076.409	142.467.542	19.645.497.072
Giá trị khấu hao lũy kế					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	(7.446.599.770)	(8.610.137.927)	(191.584.792)	(90.092.547)	(16.338.415.036)
Khấu hao trong năm	(948.957.353)	(893.080.593)	(76.760.159)	(22.498.232)	(1.941.296.337)
Thanh lý, nhượng bán	-	733.602.412	-	-	733.602.412
Giảm do mất quyền kiểm soát công ty con	821.820.221	-	-	-	821.820.221
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	(7.573.736.902)	(8.769.616.108)	(268.344.951)	(112.590.779)	(16.724.288.740)
Giá trị còn lại					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	1.744.516.909	3.031.636.799	387.100.708	52.374.995	5.215.629.411
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	433.641.493	2.074.958.618	382.731.458	29.876.763	2.921.208.332

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09 – DN/HN

13 TSCĐ (tiếp theo)

(b) TSCĐ vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Nhãn hiệu, tên thương mại VND	Phần mềm máy tính VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	4.500.000.000	30.591.276.347	17.687.629.110	1.306.675.850	54.085.581.307
Mua trong năm	-	2.727.272.727	112.231.200	-	2.839.503.927
Giảm do mất quyền kiểm soát công ty con	-	(19.230.269.577)	(413.375.000)	-	(19.643.644.577)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	4.500.000.000	14.088.279.497	17.386.485.310	1.306.675.850	37.281.440.657
Giá trị khấu hao lũy kế					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	-	(7.309.954.075)	(2.122.512.475)	(227.643.549)	(9.660.110.099)
Khấu hao trong năm	-	(2.770.229.623)	(3.392.701.094)	(488.784.438)	(6.651.715.155)
Giảm do mất quyền kiểm soát công ty con	-	6.859.309.521	149.019.746	-	7.008.329.267
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	-	(3.220.874.177)	(5.366.193.823)	(716.427.987)	(9.303.495.987)
Giá trị còn lại					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	4.500.000.000	23.281.322.272	15.565.116.635	1.079.032.301	44.425.471.208
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	4.500.000.000	10.867.405.320	12.020.291.487	590.247.863	27.977.944.670

14 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi tiết chi phí xây dựng cơ bản dở dang theo từng dự án như sau:

	2021 VND	2020 VND
Dự án triển khai phần mềm quản lý phân phối DMS (*)	5.000.000.000	5.000.000.000
Dự án triển khai thu thập dữ liệu điểm bán	-	4.090.909.091
Dự án khác	86.363.637	483.322.258
	<u>5.086.363.637</u>	<u>9.574.231.349</u>

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, dự án trên vẫn đang trong quá trình triển khai và dự kiến sẽ hoàn thành trong năm 2022.

15 LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Biến động về lợi thế thương mại trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	71.507.855.470	82.843.460.808
Phân bổ trong năm	(52.280.831.647)	(11.326.229.113)
Giảm do mất quyền kiểm soát công ty con	(3.042.713.575)	-
Đánh giá lại chênh lệch tỷ giá	-	(9.376.225)
Số dư cuối năm	<u>16.184.310.248</u>	<u>71.507.855.470</u>

16 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	2021		2020	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên thứ ba				
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam	20.756.568.161	20.756.568.161	10.531.657.250	10.531.657.250
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Number One	16.460.486.735	16.460.486.735	36.432.907.239	36.432.907.239
Công ty TNHH Giải trí Đa phương tiện Châu Á	8.614.183.284	8.614.183.284	-	-
Công ty JF Investment Co., Ltd.	-	-	27.167.073.844	27.167.073.844
Khác	41.494.076.860	41.494.076.860	91.144.749.599	91.144.749.599
Bên liên quan (Thuyết minh 38(b))	-	-	1.248.959.195	1.248.959.195
	<u>87.325.315.040</u>	<u>87.325.315.040</u>	<u>166.525.347.127</u>	<u>166.525.347.127</u>

17 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	2021 VND	2020 VND
Bên thứ ba		
Công ty TNHH Công nghiệp Thực phẩm Liwayway Hà Nội	1.926.523.928	1.779.427.894
Công ty TNHH Truyền Thông WPP	1.142.643.706	-
Khác	7.462.804.723	-
Bên liên quan (Thuyết minh 38(b))	-	27.957.845
	<u>10.531.972.357</u>	<u>1.807.385.739</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09 – DN/HN

18 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘ NHÀ NƯỚC

Biến động về thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước như sau:

	Tại ngày 1.1.2021 VND	Số phải thu/ phải nộp trong năm VND	Số đã cần trừ trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Giảm do mất quyền kiểm soát công ty con VND	Tại ngày 31.12.2021 VND
(a) Phải thu						
Thuế GTGT được khấu trừ	41.956.843.035	25.486.210.697	(30.126.337.706)	-	(20.273.125.736)	17.043.590.290
Thuế khác	2.415.109.085	-	-	-	(2.310.070.700)	105.038.385
	<u>44.371.952.120</u>	<u>25.486.210.697</u>	<u>(30.126.337.706)</u>	<u>-</u>	<u>(22.583.196.436)</u>	<u>17.148.628.675</u>
(b) Phải nộp						
Thuế TNDN	18.886.161.053	38.377.310.844	-	(11.906.493.786)	(17.055.188.893)	28.301.789.218
Thuế thu nhập cá nhân	11.498.216.098	8.836.755.678	-	(10.376.002.583)	(1.001.575.298)	8.957.393.895
Thuế GTGT	16.978.486.025	22.987.263.279	(30.126.337.706)	(6.809.011.210)	(3.592.746.146)	(562.345.758)
Thuế khác	9.923.728.991	11.479.905.110	-	(11.550.288.457)	(1.761.525.609)	8.091.820.035
	<u>57.286.592.167</u>	<u>81.681.234.911</u>	<u>(30.126.337.706)</u>	<u>(40.641.796.036)</u>	<u>(23.411.035.946)</u>	<u>44.788.657.390</u>

19 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	2021 VND	2020 VND
Phân chia doanh thu từ hoạt động quảng cáo	26.110.858.675	26.769.168.259
Chi phí lãi vay	10.358.140.320	1.400.000.000
Chi phí khảo sát thị trường	7.727.461.563	4.767.151.455
Chi phí phát triển phần mềm, hệ thống	5.758.626.849	5.758.626.849
Lương và thưởng cho nhân viên	1.949.257.682	5.753.184.636
Chi phí khuyến mãi	-	9.987.781.818
Chi phí bản quyền	-	2.484.919.620
Khác	4.909.181.173	4.100.431.593
	<u>56.813.526.262</u>	<u>61.021.264.230</u>

20 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	2021 VND	2020 VND
Phải trả tiền mua cổ phần (*)	38.400.000.000	-
Phải trả về hợp đồng hợp tác kinh doanh	5.787.650.000	6.147.650.000
Phải trả cổ tức	-	5.059.124.583
Khác	14.553.000.313	7.429.005.346
	<u>58.740.650.313</u>	<u>18.635.779.929</u>
Trong đó:	-	-
Bên thứ ba	53.177.355.067	12.388.547.113
Bên liên quan (Thuyết minh 38(b))	5.563.295.246	6.247.232.816
	<u>58.740.650.313</u>	<u>18.635.779.929</u>

(*) Số dư thể hiện khoản phải trả cho bà Nguyễn Hồng Nhung về việc mua lại số cổ phần của Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital mà Công ty đã chuyển nhượng cho bà này trước đây.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09 – DN/HN

21 VAY

(a) Ngắn hạn

	Tại ngày 1.1.2021 VND	Tăng VND	Giảm VND	Cấn trừ (*) VND	Tăng/(giảm) do mất quyền kiểm soát công ty con VND	Tại ngày 31.12.2021 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh (i)	55.094.568.565	68.897.731.002	(78.863.885.355)	-	-	45.128.414.212
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (ii)	37.529.545.000	85.214.169.459	(100.445.829.072)	-	(10.856.444.000)	11.441.441.387
Công ty TNHH Phân phối Nước giải khát Quốc tế (iii)	30.000.000.000	-	-	-	-	30.000.000.000
Vay bên thứ ba (iv)	-	76.119.000.000	(4.000.000.000)	(34.446.000.000)	6.553.361.213	44.226.361.213
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông	1.800.000.000	-	(1.800.000.000)	-	-	-
	124.424.113.565	230.230.900.461	(185.109.714.427)	(34.446.000.000)	(4.303.082.787)	130.796.216.812

(i) Số dư thể hiện các khoản vay bằng Đồng Việt Nam theo các Hợp đồng tín dụng số 43181/20MN/HĐTĐ ngày 18 tháng 12 năm 2020, số 20125/20MN/HĐTĐ ngày 28 tháng 7 năm 2020 và số 2887/20MN/HĐTĐ/TC ngày 28 tháng 7 năm 2020. Các khoản vay có thời hạn dưới 12 tháng và chịu lãi suất thay đổi trong từng thời kỳ. Đây là khoản vay tín chấp nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động và thanh toán tiền đặt cọc mua hàng cho Tập đoàn.

(ii) Số dư thể hiện các khoản vay bằng Đồng Việt Nam theo các Hợp đồng cấp tín dụng số 0036/KHDN/20 ngày 28 tháng 8 năm 2020 và số 0027/KHDN/20 ngày 4 tháng 11 năm 2020. Các khoản vay có thời hạn 6 tháng và chịu lãi suất thay đổi theo từng thời điểm giải ngân. Đây là các khoản vay nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động cho Tập đoàn và được đảm bảo bằng các tài khoản tiền gửi mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Thuyết minh 5(a)).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09 – DN/HN

21 VAY (tiếp theo)

(a) Ngắn hạn (tiếp theo)

- (iii) Số dư thể hiện khoản vay bằng Đồng Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 2020/DADT. Khoản vay có thời hạn 12 tháng và chịu lãi suất 7,4%/năm. Đây là khoản vay tín chấp và nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động cho Tập đoàn.
- (iv) Số dư thể hiện các khoản vay từ các bên thứ ba bằng Đồng Việt Nam với lãi suất từ 0%/năm đến 12%/năm và có thời hạn dưới 12 tháng. Đây là khoản vay tín chấp và nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động cho Tập đoàn.
- (*) Đây là khoản cần trừ giữa vay ngắn hạn và khoản phải thu từ giao dịch chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital.

(b) Dài hạn

	Tại ngày 1.1.2021 VND	Tăng VND	Giảm VND	Tăng do mất quyền kiểm soát công ty con VND	Tại ngày 31.12.2021 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư FPT (i)	70.000.000.000	-	-	-	70.000.000.000
Vay bên thứ ba (ii)	-	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000
	<u>70.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>1.000.000.000</u>	<u>71.000.000.000</u>

(i) Đây là khoản trái phiếu dài hạn phát hành được Công ty Cổ phần Quản lý Đầu tư FPT mua theo hợp đồng phát hành trái phiếu số FPT/TPHD/2020 ngày 19 tháng 10 năm 2020. Trái phiếu chịu lãi suất cố định 10,2%/năm, không có tài sản thế chấp và có thời gian đáo hạn là 36 tháng kể từ ngày mua.

(ii) Số dư thể hiện các khoản vay từ các bên thứ ba bằng Đồng Việt Nam không lãi suất và có thời hạn trên 12 tháng. Đây là khoản vay tín chấp và nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động cho Tập đoàn.

22 THUẾ TNDN HOÃN LẠI

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế TNDN hiện hành với thuế TNDN hiện hành phải trả và khi thuế TNDN hoãn lại có liên quan đến cùng một cơ quan thuế. Chi tiết như sau:

	2021 VND	2020 VND
Tài sản thuế TNDN hoãn lại được thu hồi trong vòng 12 tháng	-	11.740.500.834
Thuế TNDN hoãn lại phải trả sau 12 tháng	20.046.386.521	-

Biến động về thuế TNDN hoãn lại trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	11.740.500.834	11.318.884.477
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Thuyết minh 34)	(29.949.174.101)	421.616.357
Giảm do mất quyền kiểm soát công ty con	(1.837.713.254)	-
Số dư cuối năm	(20.046.386.521)	11.740.500.834

Thuế TNDN hoãn lại phải trả chủ yếu đến từ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con.

Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế TNDN hoãn lại phải trả là 20%.

Các khoản lỗ tính thuế có thể được chuyển sang để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai trong vòng năm 5 năm liên tiếp kể từ năm ngay sau năm phát sinh lỗ. Số lỗ thực tế được chuyển qua các năm sau cho mục đích thuế sẽ phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp nhận của cơ quan thuế và có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ ước tính có thể bù trừ vào thu nhập chịu thuế trong tương lai của Tập đoàn như sau:

Năm phát sinh lỗ	Tình trạng kiểm tra của các cơ quan thuế	Số lỗ phát sinh VND	Số lỗ tính thuế đã được sử dụng VND	Số lỗ còn được chuyển sang các kỳ tính thuế sau VND
2019	Chưa thanh tra/ kiểm tra	118.777.631.615	99.865.140	118.677.766.475
2020	Chưa thanh tra/ kiểm tra	214.749.338.335	-	214.749.338.335
2021	Chưa thanh tra/ kiểm tra	382.967.781.114	-	382.967.781.114

Tập đoàn không ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại đối với các khoản lỗ tính thuế trên vì khả năng Tập đoàn có thu nhập chịu thuế trong tương lai để bù trừ với những khoản lỗ tính thuế này được đánh giá là không chắc chắn.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09 – DN/HN

23 VỐN CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

	2021	2020
	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đăng ký	31.279.968	31.279.968
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	31.279.968	31.279.968
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	31.279.968	31.279.968

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	2021		2020	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Ông Nguyễn Ảnh Nhượng Tống	7.731.408	24,72	7.981.408	25,52
Ancla Assets Ltd.	3.419.249	10,93	3.419.249	10,93
DFJ VinaCapital Venture Investment Ltd.	3.048.192	9,74	3.048.192	9,74
Bà Trần Uyên Phương	1.151.196	3,68	6.935.890	22,17
Ông Đào Phúc Trí	344.296	1,10	1.495.402	4,78
Cổ đông khác	15.585.627	49,83	8.399.827	26,86
	31.279.968	100,00	31.279.968	100,00

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020			
và ngày 31 tháng 12 năm 2020			
và ngày 31 tháng 12 năm 2021	31.279.968	312.799.680.000	312.799.680.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 Đồng trên một cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09 – DN/HN

24 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	(Lỗ lũy kế)/LNST chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	312.799.680.000	1.132.143.560.000	(141.715.291.355)	99.998.642	(305.389.433.963)	23.278.218.263	1.021.216.731.587
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	(51.492.780.290)	141.715.291.355	-	-	-	90.222.511.065
Lỗi thuần trong năm	-	-	-	-	(181.588.026.596)	1.589.121.293	(179.998.905.303)
Thay đổi tỷ lệ của các công ty con đã nắm quyền kiểm soát	-	-	-	-	(37.690.662.614)	(10.739.533.465)	(48.430.196.079)
Trích thù lao HĐQT	-	-	-	-	(2.343.011.950)	-	(2.343.011.950)
Sử dụng thặng dư vốn cổ phần để xóa lỗ	-	(307.732.445.913)	-	-	307.732.445.913	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	(355.481.793)	-	-	(355.481.793)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	312.799.680.000	772.918.333.797	-	(255.483.151)	(219.278.689.210)	14.127.806.091	880.311.647.527
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	19.793.101.930	10.197.129.432	29.990.231.362
Thay đổi tỷ lệ của các công ty con đã nắm quyền kiểm soát	-	-	-	-	743.513.790	(11.443.296.257)	(10.699.782.467)
Mất quyền kiểm soát công ty con	-	-	-	-	-	(19.388.103.987)	(19.388.103.987)
Trích thù lao HĐQT (i)	-	-	-	-	(2.766.166.333)	-	(2.766.166.333)
Sử dụng thặng dư vốn cổ phần để xóa lỗ (ii)	-	(222.044.855.543)	-	-	222.044.855.543	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	255.483.151	-	-	255.483.151
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	312.799.680.000	550.873.478.254	-	-	20.536.615.720	(6.506.464.721)	877.703.309.253

- (i) Theo Nghị quyết Đại hội Đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thường niên năm 2021 số 2804/2021/YEG/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021, ĐHĐCĐ thông qua việc phê duyệt thù lao Hội đồng Quản trị với số tiền là 2.766.166.333 Đồng.
- (ii) Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 số 2804/2021/YEG/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021, ĐHĐCĐ thông qua việc sử dụng một phần thặng dư vốn cổ phần để xóa lỗ lũy kế tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020. Theo đó, số thặng dư vốn cổ phần dùng để xóa lỗ lũy kế là 222.044.855.543 Đồng.

25 LÃI/(LỖ) TRÊN CỔ PHIẾU**(a) Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Chi tiết như sau:

	2021	2020
Lợi nhuận/(lỗ) thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	19.793.101.930	(181.588.026.596)
Bình quân số cổ phiếu đang lưu hành (cổ phiếu)	31.279.968	29.949.213
Lãi/(lỗ) cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	633	(6.063)

(b) Lãi/(lỗ) suy giảm trên cổ phiếu

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này. Do đó, lãi/(lỗ) suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu.

26 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**(a) Ngoại tệ các loại**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, khoản mục tiền đã bao gồm số ngoại tệ 4.547,52 Đô la Mỹ, 1.141,28 Đô la Singapore và 105 chỉ vàng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 119.351,44 Đô la Mỹ, 536.398,95 Đô la Singapore và 99 chỉ vàng).

(b) Cam kết thuê hoạt động

Tổng số tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang được trình bày tại Thuyết minh 39(a).

(c) Cam kết góp vốn

Mức cam kết góp vốn tối thiểu phải góp trong tương lai được trình bày tại Thuyết minh 39(b).

27 DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2021 VND	2020 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu quảng cáo và chia sẻ nội dung trên nền tảng kỹ thuật số	887.216.016.927	831.848.261.653
Doanh thu quảng cáo trên kênh truyền hình	101.763.426.986	139.427.219.813
Doanh thu về bán lẻ	84.606.680.342	122.221.569.930
Doanh thu cung cấp dịch vụ và thương mại truyền thông	8.597.231.959	98.532.596.144
Doanh thu từ trò chơi điện tử trực tuyến	-	23.507.857.610
Doanh thu bản quyền phim	-	10.483.373.691
	<u>1.082.183.356.214</u>	<u>1.226.020.878.841</u>
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	<u>(2.675.562.836)</u>	<u>(7.402.194.508)</u>
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu thuần về quảng cáo và chia sẻ nội dung trên nền tảng kỹ thuật số	887.216.016.927	831.848.261.653
Doanh thu thuần quảng cáo trên kênh truyền hình	100.790.752.485	132.513.025.305
Doanh thu thuần về bán lẻ	82.911.739.062	122.221.569.930
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ và thương mại truyền thông	8.589.284.904	98.044.596.144
Doanh thu thuần trò chơi điện tử trực tuyến	-	23.507.857.610
Doanh thu thuần bản quyền phim	-	10.483.373.691
	<u>1.079.507.793.378</u>	<u>1.218.618.684.333</u>

28 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2021 VND	2020 VND
Giá vốn quảng cáo và chia sẻ nội dung trên nền tảng kỹ thuật số	745.067.334.538	703.775.574.137
Giá vốn về bán lẻ	117.460.822.496	118.590.077.193
Giá vốn quảng cáo trên kênh truyền hình	106.964.450.991	154.330.420.894
Giá vốn dịch vụ và thương mại truyền thông	44.671.065.907	137.645.255.966
Giá vốn trò chơi điện tử trực tuyến	-	24.330.755.672
Dự phòng, xóa sổ hàng tồn kho	31.219.029.484	43.786.145.192
	<u>1.045.382.703.416</u>	<u>1.182.458.229.054</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09 – DN/HN

29 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2021 VND	2020 VND
Lãi thuần từ chuyển nhượng khoản đầu tư vào các công ty con	416.013.691.552	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	5.895.252.706	4.450.999.547
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.298.684.586	6.086.409.501
Khác	641.719.751	1.400.041.202
	<u>423.849.348.595</u>	<u>11.937.450.250</u>

30 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2021 VND	2020 VND
Chi phí lãi vay	21.801.000.846	3.532.670.032
Chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	5.698.581.171	5.401.164.568
Chiết khấu thanh toán	380.312.000	375.460.000
Lỗ thuần do đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ cuối năm	158.090.446	455.598.142
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	7.858.000.000
Chi phí tài chính khác	-	82.890.000
	<u>28.037.984.463</u>	<u>17.705.782.742</u>

31 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2021 VND	2020 VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	51.602.449.064	99.452.191.554
Chi phí nhân viên	33.288.694.838	30.156.956.664
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.875.706.522	259.358.880
Khác	-	989.000
	<u>86.766.850.424</u>	<u>129.869.496.098</u>

32 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nhân viên	92.587.449.328	81.853.123.981
Lợi thế thương mại phân bổ	52.280.831.647	11.326.229.113
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.356.027.352	31.791.521.961
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	20.842.603.446	3.993.797.490
Chi phí đồ dùng văn phòng, công cụ dụng cụ	7.974.914.895	5.864.111.869
Chi phí khấu hao TSCĐ	6.717.304.970	3.176.848.250
Chi phí thuê	4.976.498.116	3.645.768.515
Chi phí tiếp khách, công tác phí	380.272.733	1.125.993.592
	<u>211.115.902.487</u>	<u>142.777.394.771</u>

33 THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	2021 VND	2020 VND
Thu nhập khác		
Thu nhập từ chuyển nhượng dự án	-	70.000.000.000
Nhận biếu, tặng	-	8.038.250.000
Khác	483.012.405	199.530.900
	<u>483.012.405</u>	<u>78.237.780.900</u>
Chi phí khác		
Tiền phạt vi phạm hợp đồng (*)	(22.121.767.920)	-
Lỗi do thanh lý chi phí trả trước	(5.338.351.181)	-
Các khoản bị phạt	(2.339.486.050)	(2.205.597.106)
Khác	(4.857.239.630)	(879.219.512)
	<u>(34.656.844.781)</u>	<u>(3.084.816.618)</u>

(*) Đây là các khoản tiền phạt liên quan đến việc vi phạm các điều khoản trong các hợp đồng thuê văn phòng, đi vay và chuyển nhượng cổ phần.

34 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN)

Số thuế TNDN trên lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế của Tập đoàn khác với số thuế khi được tính theo thuế suất áp dụng 20% như sau:

	2021 VND	2020 VND
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	98.316.716.307	(167.764.781.061)
Thuế tính ở thuế suất 20%	19.663.343.261	(33.552.956.212)
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(69.917.761.332)	(58.221.047.100)
Chi phí không được khấu trừ	34.302.206.529	14.237.829.401
Phân bổ lợi thế thương mại	10.456.166.329	2.265.245.823
Lỗ tính thuế đã được sử dụng	(19.973.028)	(3.996.340.203)
Lỗ tính thuế mà không ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại	76.593.556.223	98.911.427.667
Dự phòng thiếu của năm trước	1.143.131.206	-
Ưu đãi thuế (*)	(2.388.252.520)	(2.059.065.871)
Thuế được giảm (**)	(1.505.931.723)	(5.350.969.263)
Chi phí thuế TNDN (***)	68.326.484.945	12.234.124.242
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:		
Thuế TNDN - hiện hành	38.377.310.844	12.655.740.599
Thuế TNDN - hoãn lại (Thuyết minh 22)	29.949.174.101	(421.616.357)
Chi phí thuế TNDN	68.326.484.945	12.234.124.242

(*) Khoản ưu đãi thuế còn liên quan đến các ưu đãi thuế tại Yeah1 Network Pte. Ltd và Netlink Online Corporation.

(**) Các công ty con trong Tập đoàn được giảm 30% số thuế TNDN phải nộp của năm 2021 và năm 2020 theo Nghị định số 92/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 10 năm 2021 và Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2020 do Chính phủ ban hành.

(***) Chi phí thuế TNDN cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

35 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong năm từ hoạt động kinh doanh của Tập đoàn, không bao gồm giá mua hàng hóa phát sinh trong hoạt động thương mại. Chi tiết được trình bày như sau:

	2021 VND	2020 VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	988.820.614.924	1.153.277.391.317
Chi phí nhân viên	125.876.144.166	112.010.080.645
Phân bổ lợi thế thương mại	52.280.831.647	11.326.229.113
Dự phòng hàng tồn kho	31.219.029.484	43.786.145.192
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	20.842.603.446	3.993.797.490
Chi phí khấu hao TSCĐ	8.593.011.492	6.256.298.104
Khác	18.426.285.675	5.865.100.869
	<u>1.246.058.520.834</u>	<u>1.336.515.042.730</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09 – DN/HN

36 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Ban Tổng Giám đốc xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Tập đoàn chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ và khu vực địa lý mà Tập đoàn cung cấp. Do vậy báo cáo bộ phận chính yếu của Tập đoàn là theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

(a) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh chính của Tập đoàn như sau:

	2021						
	Doanh thu quảng cáo trên kênh truyền hình VND	Doanh thu quảng cáo và chia sẻ nội dung trên nền tảng kỹ thuật số VND	Doanh thu cung cấp dịch vụ và thương mại truyền thông VND	Doanh thu về bán lẻ VND	Doanh thu từ trò chơi điện tử trực tuyến VND	Loại trừ hợp nhất VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần cho bên thứ ba	100.790.752.485	887.216.016.927	8.589.284.904	82.911.739.062	-	-	1.079.507.793.378
Doanh thu thuần giữa các bộ phận	11.130.430.124	79.657.376.318	36.657.139.065	14.482.042.191	-	(141.926.987.698)	-
Tổng doanh thu thuần	111.921.182.609	966.873.393.245	45.246.423.969	97.393.781.253	-	(141.926.987.698)	1.079.507.793.378
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(109.582.194.720)	(842.222.533.973)	(50.405.748.401)	(139.613.925.495)	(1.123.306.958)	97.565.006.131	(1.046.382.703.416)
Lợi nhuận gộp	2.338.987.889	124.650.859.272	(5.159.324.432)	(42.220.144.242)	(1.123.306.958)	(44.361.981.567)	34.125.089.962
Tài sản							
Tài sản của bộ phận	198.506.880.796	582.180.355.495	10.892.098.303	942.714.843.935	-	(836.337.700.534)	897.956.477.995
Tài sản không phân bổ							474.326.357.955
							1.372.282.835.950
Nợ phải trả							
Nợ của bộ phận	237.021.564.354	370.341.736.211	51.741.533.383	506.060.143.317	-	(747.202.097.055)	417.962.880.210
Nợ không phân bổ							76.616.646.487
							494.579.526.697

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09 – DN/HN

36 BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

(a) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

2020											
	Doanh thu quảng cáo trên kênh truyền hình VND	Doanh thu quảng cáo và chia sẻ nội dung trên nền tảng kỹ thuật số VND	Doanh thu bán quyền phim VND	Doanh thu về bán lẻ VND	Doanh thu từ trò chơi điện tử trực tuyến VND	Loại trừ hợp nhất VND	Tổng cộng VND				
Doanh thu thuần cho bên thứ ba	132.025.025.304	930.380.857.797	10.483.373.693	122.221.569.929	23.507.857.610	-	1.218.618.684.333				
Doanh thu thuần giữa các bộ phận	97.276.708.396	157.198.268.282	114.925.460	-	-	(254.589.902.138)	-				
Tổng doanh thu thuần	229.301.733.700	1.087.579.126.079	10.598.299.153	122.221.569.929	23.507.857.610	(254.589.902.138)	1.218.618.684.333				
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(219.427.163.451)	(986.645.987.234)	(3.587.596.358)	(118.590.077.193)	(24.330.755.672)	170.123.350.854	(1.182.458.229.054)				
Lợi nhuận gộp	9.874.570.249	100.933.138.845	7.010.702.795	3.631.492.736	(822.898.062)	(84.466.551.284)	36.160.455.279				
Tài sản											
Tài sản của bộ phận	629.796.889.490	1.484.316.138.800	-	48.643.479.205	44.733.698.157	(1.116.350.684.448)	1.091.139.521.204				
Tài sản không phân bổ							293.829.381.580				
							1.384.968.902.784				
Nợ phải trả											
Nợ của bộ phận	508.317.883.284	867.935.320.096	-	69.672.342.410	34.440.453.523	(987.752.298.174)	492.613.701.139				
Nợ không phân bổ							12.043.554.118				
							504.657.255.257				

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09 – DN/HN

36 BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

(b) Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý của Tập đoàn như sau:

	2021			
	Trong nước VND	Nước ngoài VND	Loại trừ giao dịch nội bộ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần	390.801.709.444	830.633.071.632	(141.926.987.698)	1.079.507.793.378
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(446.324.385.346)	(696.623.324.201)	97.565.006.131	(1.045.382.703.416)
Lợi nhuận gộp	(55.522.675.902)	134.009.747.431	(44.361.981.567)	34.125.089.962
	2020			
	Trong nước VND	Nước ngoài VND	Loại trừ giao dịch nội bộ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần	736.396.512.927	736.812.073.544	(254.589.902.138)	1.218.618.684.333
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(728.061.536.206)	(624.520.043.702)	170.123.350.854	(1.182.458.229.054)
Lợi nhuận gộp	8.334.976.721	112.292.029.842	(84.466.551.284)	36.160.455.279

37 THUYẾT MINH CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

	2021 VND	2020 VND
(a) Số tiền cho vay và gửi có kỳ hạn thực thu trong năm		
Thu hồi từ khoản tiền gửi có kỳ hạn	<u>17.850.000.000</u>	<u>368.862.390.048</u>
(b) Số tiền chi gửi có kỳ hạn thực chi trong năm		
Chi tiền đi vay và tiền gửi có kỳ hạn	<u>1.360.000.000</u>	<u>20.750.000.000</u>
(c) Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Vay theo kế ước thông thường	230.230.900.461	250.868.948.145
Phát hành trái phiếu	-	70.000.000.000
	<u>230.230.900.461</u>	<u>320.868.948.145</u>
(d) Số tiền đi vay thực trả trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	<u>185.109.714.427</u>	<u>244.527.367.124</u>

38 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Tập đoàn có giao dịch và số dư và giao dịch với các bên liên quan như sau:

Mối quan hệ	Tên
Chủ tịch Hội đồng Quản trị (“HĐQT”)	Ông Nguyễn Ảnh Nhượng Tổng
Thành viên HĐQT	Ông Đào Phúc Trí
Thành viên HĐQT	Ông Nguyễn Ngọc Dũng
Thành viên HĐQT	Ông Hoàng Đức Trung
Thành viên HĐQT	Ông Don Di Lâm
Thành viên HĐQT	Ông Trần Quốc Bảo
Thành viên HĐQT	Ông Lý Trường Chiến
Ban Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Văn Cang
Ban Tổng Giám đốc	Ông Hồ Nam Đông
Ban Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Ngọc Hưng
Ban Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Vũ Nghị
Ban Tổng Giám đốc	Bà Nguyễn Đặng Quỳnh Anh
Ban Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Quang Vinh
Kế toán trưởng	Bà Nguyễn Thị Ngọc Nữ
Công ty thuộc sở hữu của cổ đông Công ty	Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam Trực tuyến
Công ty thuộc sở hữu của cổ đông Công ty	Công ty TNHH Hai thành viên Yeah1 Vision
Công ty thuộc sở hữu của cổ đông Công ty	Công ty Cổ phần Unicorn Venture
Công ty liên quan của cổ đông Công ty	Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ Tân Hiệp Phát
Công ty liên kết	Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Nam Giải trí
Công ty liên kết	Công ty Cổ phần Zmedia
Công ty liên kết	Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Kolorlife
Công ty liên kết	Công ty Cổ phần Giải trí 100 Độ
Công ty liên kết	Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1

(a) Giao dịch với các bên liên quan

	2021 VND	2020 VND
i) Doanh thu cung cấp dịch vụ		
Công ty Cổ phần Zmedia	1.168.804.884	814.758.245
Công ty Cổ phần Giải trí 100 Độ	-	25.310.738.166
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam Trực tuyến	-	2.229.431.859
Công ty TNHH Yeah1 Vision	-	191.648.775
	<u>1.168.804.884</u>	<u>28.546.577.045</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09 – DN/HN

38 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	2021 VND	2020 VND
ii) Mua dịch vụ		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam Trực tuyến	-	4.758.743.399
Công ty Cổ phần Zmedia	-	1.298.812.335
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Nam Giải trí	-	207.573.065
Công ty Cổ phần Giải trí 100D	750.691.316	99.722.135
	<u>750.691.316</u>	<u>6.364.850.934</u>
iii) Tạm ứng		
Ông Nguyễn Ảnh Nhượng Tống	31.901.074.666	45.558.621.827
Ông Võ Thái Phong	11.584.547.167	-
Ông Đào Phúc Trí	65.941.440	7.337.661.752
Bà Nguyễn Thị Trúc Mai	13.090.000	-
Ông Nguyễn Ngọc Hưng	-	1.716.981.983
Bà Nguyễn Thị Ngọc Nữ	-	1.659.430.506
	<u>43.564.653.273</u>	<u>56.272.696.068</u>
iv) Thu hồi tạm ứng		
Ông Nguyễn Ảnh Nhượng Tống	12.215.273.925	21.223.978.180
Ông Võ Thái Phong	4.000.000.000	-
Ông Đào Phúc Trí	23.000.000	6.929.189.142
Bà Nguyễn Thị Ngọc Nữ	-	1.699.924.668
Ông Nguyễn Ngọc Dũng	-	225.000.000
Ông Hoàng Đức Trung	-	200.000.000
Ông Lý Trường Chiến	-	125.000.000
Ông Trần Quốc Bảo	-	125.000.000
	<u>16.238.273.925</u>	<u>30.628.091.990</u>
v) Vay		
Ông Võ Thái Phong	6.999.000.000	-
Bà Nguyễn Đặng Quỳnh Anh	783.148.400	-
	<u>7.782.148.400</u>	<u>-</u>
vi) Trả nợ vay		
Bà Nguyễn Đặng Quỳnh Anh	40.000.000	-
	<u>40.000.000</u>	<u>-</u>

38 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

vii) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt

STT	Họ và tên	Chức danh	2021 VND	2020 VND
Thù lao thành viên HĐQT				
1	Ông Nguyễn Ảnh Nhượng Tống	Chủ tịch HĐQT	1.212.000.000	1.440.000.000
2	Đào Phúc Trí	Thành viên HĐQT	1.030.200.000	1.224.000.000
			<u>2.242.200.000</u>	<u>2.664.000.000</u>

Tiền lương của Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác

1	Bà Nguyễn Đặng Quỳnh Anh	Phó Tổng Giám đốc	4.418.750.000	3.166.666.667
2	Ông Nguyễn Quang Vinh	Phó Tổng Giám đốc	1.254.063.805	-
3	Ông Nguyễn Vũ Nghị	Phó Tổng Giám đốc	840.000.000	840.000.000
4	Ông Nguyễn Văn Cang	Phó Tổng Giám đốc	318.000.000	1.082.000.000
5	Ông Hồ Nam Đông	Phó Tổng Giám đốc	75.000.000	1.005.000.000
6	Bà Nguyễn Thị Ngọc Nữ	Kế toán trưởng	564.000.000	564.000.000
			<u>7.469.813.805</u>	<u>6.657.666.667</u>

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	2021 VND	2020 VND
i) Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 6)		
Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ Tân Hiệp Phát	7.758.546.420	113.168.005
Công ty Cổ phần Giải trí 100 Độ	6.518.490.436	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam Trực tuyến	4.471.463.754	3.784.130.898
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	611.028.313	-
Công ty TNHH Yeah1 Vision	149.824.729	149.824.729
	<u>19.509.353.652</u>	<u>4.047.123.632</u>

ii) Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh 7)

Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam Trực Tuyến	16.769.831.540	11.261.540
Công ty Cổ phần Unicorn Venture	-	4.500.000.000
	<u>16.769.831.540</u>	<u>4.511.261.540</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09 – DN/HN

38 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)

	2021 VND	2020 VND
iii) Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh 8(a))		
Công ty TNHH Yeah1 Vision	1.360.000.000	-
iv) Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 9(a))		
Ông Nguyễn Ảnh Nhượng Tổng	42.993.467.414	10.847.449.077
Ông Võ Thái Phong	38.004.547.167	-
Ông Nguyễn Vũ Nghị	25.219.965.316	18.224.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Hưng	5.542.454.957	-
Ông Đào Phúc Trí	4.619.344.140	4.431.301.473
Bà Nguyễn Đặng Quỳnh Anh	2.251.793.746	-
Công ty TNHH Yeah1 Vision	1.420.000.000	60.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam Trực Tuyến	1.025.000.000	17.339.296.344
Công ty Cổ phần Zmedia	147.899.158	900.000.000
Công ty Cổ phần Giải trí 100 Độ	-	13.144.786.844
Ông Nguyễn Ngọc Hưng	-	12.542.454.956
Ông Nguyễn Văn Cang	-	120.209.000
	121.224.471.898	77.609.497.694
v) Phải thu dài hạn khác (Thuyết minh 9(b))		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam Trực Tuyến	3.447.919.503	3.447.919.503
vi) Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 16)		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam Trực tuyến	-	1.248.959.195

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09 – DN/HN

38 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)

	2021 VND	2020 VND
vii) Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh 17)		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam Trực tuyến	-	27.957.845
viii) Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 20)		
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam Trực tuyến	2.147.650.000	579.343.718
Ông Nguyễn Quang Vinh	1.100.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Nam Giải trí	207.573.065	207.573.065
Bà Nguyễn Đặng Quỳnh Anh	43.148.400	-
Ông Võ Thái Phong	37.712.845	-
Ông Nguyễn Ảnh Nhượng Tống	27.210.936	27.210.937
Ông Nguyễn Ngọc Hưng	-	3.433.105.096
	<u>5.563.295.246</u>	<u>6.247.232.816</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09 – DN/HN

39 CÁC CAM KẾT

(a) Cam kết thuế hoạt động

Tập đoàn phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuế hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:

	Thuế văn phòng		Chi phí thuế kênh		Tổng cộng	
	2021 VND	2020 VND	2021 VND	2020 VND	2021 VND	2020 VND
Dưới 1 năm	921.884.773	13.704.841.963	13.704.841.963	22.467.939.606	14.626.726.736	36.172.781.569
Từ 1 đến 5 năm	-	13.772.866.370	1.606.199.704	71.314.698.100	1.606.199.704	85.087.564.470
Trên 5 năm	-	-	-	8.630.400.000	-	8.630.400.000
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	921.884.773	27.477.708.333	15.311.041.667	102.413.037.706	16.232.926.440	129.890.746.039

39 CÁC CAM KẾT (tiếp theo)

(b) Góp vốn

	2021 VND	2020 VND
Tổng giá trị cam kết góp vốn	<u>25.465.044.000</u>	<u>27.549.260.000</u>

40 SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Các kết quả giao dịch cổ phiếu của các cổ đông lớn

Vào ngày 11 tháng 1 năm 2022, bà Trần Uyên Phương đã giao dịch mua thành công 3.696.808 cổ phiếu. Số lượng cổ phiếu sau khi thực hiện giao dịch của bà Trần Uyên Phương là 4.481.214 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 14,33% vốn điều lệ của Công ty.

Vào ngày 23 tháng 3 năm 2022, DFJ VinaCapital Venture Investment Ltd. đã giao dịch bán thành công 1.524.096 cổ phiếu. Số lượng cổ phiếu sau khi thực hiện giao dịch của DFJ VinaCapital Venture Investment Ltd. là 1.524.096 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 4,87% vốn điều lệ của Công ty.

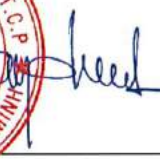
Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn đã được Ban Tổng Giám đốc phê chuẩn ngày 31 tháng 3 năm 2022.



 Đặng Phương Dung
 Người lập/ Kế toán trưởng



 Nguyễn Quang Vinh
 Phó Tổng Giám đốc Tài chính



 Đào Phúc Trí
 Tổng Giám đốc





